

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi  
Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngọc Hồi, ngày 08 tháng 4 năm 2024

### CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	3.793,62	973,40	25,66	1,20
1	Lệ phí				
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3.636,95	924,60	25,42	1,16
3	Thu sự nghiệp khác	156,67	48,80	31,15	2,92
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	1.956,97	735,31	37,57	1,98
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	1.847,26	716,11	38,77	2,03
4	Chi hoạt động sự nghiệp khác	109,71	19,20	17,50	1,14
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				

<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	21.334,37	8.878,12	41,61	1,81
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>20.925,00</b>	<b>8.878,12</b>	<b>42,43</b>	<b>1,81</b>
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.925,00	8.878,12	42,43	1,81
<b>2</b>	<b>Chi lồng ghép vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia</b>	78	0	0	0
	00517 - Chăm sóc, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Loại 130 Khoản 131)	10	0	0	0
	00517 - Chính sách DS-KHHGĐ theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND (Loại 130 Khoản 151)	68	0	0	0
<b>3</b>	<b>Chi Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>331,37</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
3.1	00495 - Cải cách sức khỏe dinh dưỡng phụ nữ và trẻ em (Loại 130 Khoản 131)	0.03	0	0	0
3.2	00517 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Loại 130 Khoản 139)	0.05	0	0	0
3.3	00517 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Loại 130 Khoản 131)	258.19	0	0	0
3.4	00517 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Loại 130 Khoản 151)	73.10	0	0	0
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Ngọc Hồi, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



BSCKI. Nguyễn Xuân Phúc